

Hà Nội, ngày tháng năm 2022

**QUY CHẾ**  
**TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT**  
**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ QUỐC TẾ VIETTEL**  
*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /NQ-DHĐCĐ ngày ... tháng ... năm*  
*2022 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022*  
*Tổng Công CP Đầu Tư Quốc Tế Viettel).*

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020, có hiệu lực từ 01/01/2021 (“**Luật doanh nghiệp**”) và các văn bản sửa đổi;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019, có hiệu lực từ 01/01/2021;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019, có hiệu lực từ 01/01/2021;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 13/12/2020

Căn cứ vào Điều lệ hiện hành của Tổng Công CP Đầu Tư Quốc Tế Viettel (“**Điều lệ Tổng công ty**”);

Căn cứ vào Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số ... ngày.

Ban Kiểm soát ban hành Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Quốc tế Viettel.

Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Quốc tế Viettel bao gồm các nội dung sau:

**CHƯƠNG I**  
**NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng**

1.1. **Phạm vi điều chỉnh:** Quy chế này quy định về tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm, chế độ làm việc và các mối quan hệ công tác của Ban Kiểm soát nhằm thay mặt Đại hội đồng cổ đông kiểm soát mọi hoạt động quản lý, tài chính,

kinh doanh và các hoạt động khác của Tổng Công ty phù hợp với điều lệ Tổng Công ty và các quy định khác có liên quan đến pháp luật.

**1.2. Đối tượng áp dụng:** Ban Kiểm soát, các Thành viên Ban Kiểm soát (sau đây gọi tắt là “**TV BKS**”), các đơn vị và cá nhân của Tổng công ty có liên quan đến tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát phải tuân thủ Quy chế này.

## **Điều 2. Ban Kiểm soát**

Ban Kiểm soát Tổng Công ty cổ phần Đầu tư Quốc tế Viettel (sau đây gọi tắt là “**Ban Kiểm soát**”) là cơ quan trực thuộc Đại hội đồng cổ đông Tổng Công ty (sau đây gọi tắt là “**ĐHĐCĐ**”), do Đại hội đồng cổ đông bầu và hoạt động theo Luật doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức hoạt động của Tổng công ty (sau đây gọi tắt là “**Điều lệ**”).

## **Điều 3. Nguyên tắc tổ chức, hoạt động**

3.1. Ban Kiểm soát tổ chức và hoạt động theo nguyên tắc tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ và các Nghị quyết, Quyết định của ĐHĐCĐ.

3.2. Những thông tin thu thập được trong quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Ban Kiểm soát phải được xem xét, đánh giá trung thực, khách quan trên cơ sở các tài liệu được kiểm tra tại chỗ hoặc thông qua việc báo cáo, cung cấp thông tin.

3.3. Tất cả các biên bản, báo cáo, kết luận, kiến nghị của Ban Kiểm soát gửi cho ĐHĐCĐ, các cơ quan Nhà nước phải được thảo luận tập thể trong Ban Kiểm soát và có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị. Tương tự, các nội dung gửi tới Hội đồng quản trị, Ban điều hành Tổng công ty cũng phải được thảo luận tập thể trong Ban Kiểm soát.

3.4. Ban Kiểm soát làm việc theo chế độ tập thể kết hợp với chế độ trách nhiệm cá nhân về phạm vi công việc được phân công của từng TV BKS. Các TV BKS chịu trách nhiệm báo cáo về việc thực hiện các công việc được phân công phụ trách với Trưởng ban Kiểm soát.

## **Điều 4. Giải thích các từ viết tắt**

Trong Quy chế này các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

**Luật Doanh nghiệp:** Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020, có hiệu lực áp dụng từ 01/01/2021 và các văn bản hướng dẫn liên quan.

**Luật Chứng khoán:** Luật chứng khoán 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019, và có hiệu lực thi hành từ 01/01/2021.

**Tổng Công ty:** Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Quốc tế Viettel

**Điều lệ Tổng Công ty:** Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Cổ phần Đầu tư Quốc tế Viettel được thông qua ngày 15 tháng 06 năm 2018 tại Hà Nội, sửa

đôi bổ sung tại cuộc họp ĐHĐCĐ ngày 29/06/2019 và cuộc họp ĐHĐCĐ ngày 26/06/2021.

**Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ):** Là cơ quan có thẩm quyền quyết định cao nhất của Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Quốc tế Viettel bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết.

**Hội đồng quản trị (HĐQT):** Hội đồng Quản trị Tổng công ty Cổ phần Đầu tư Quốc tế Viettel.

**Ban Kiểm soát (BKS):** Ban Kiểm soát Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Quốc tế Viettel.

**Quy chế:** Là Quy chế tổ chức hoạt động của Ban kiểm soát Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Quốc tế Viettel giai đoạn 2021-2026.

**Quy chế Quản trị nội bộ:** là Quy chế Quản trị nội bộ của Tổng công ty Cổ phần Đầu tư Quốc tế Viettel, đã được ĐHĐCĐ thường niên ngày 15/06/2018 thông qua và được sửa đổi, bổ sung tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên ngày 26/06/2021.

**Người điều hành doanh nghiệp"** là Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, và các chức danh khác theo Điều lệ;

**"Người quản lý doanh nghiệp"** là Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh khác theo điều lệ;

**Ban điều hành:** có nghĩa là Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc và Kế toán trưởng của Tổng công ty Cổ phần Đầu tư Quốc tế Viettel

## CHƯƠNG II

### NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

#### Mục 1

#### QUY ĐỊNH VỀ TỔ CHỨC QUẢN LÝ CỦA BAN KIỂM SOÁT

##### **Điều 5. Cơ cấu tổ chức và nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát**

5.1. Ban Kiểm soát có từ 03 (ba) đến 05 (năm) thành viên; nhiệm kỳ của TV BKS không quá 05 (năm) năm; TV BKS có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. TV BKS có thể không phải là cổ đông của Tổng Công ty.

5.2. Các TV BKS bầu một người trong số họ làm Trưởng ban Kiểm soát theo nguyên tắc đa số. Ban Kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.

5.3. Trường hợp TV BKS có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà TV BKS nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì TV BKS đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi TV BKS nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

5.4. Trong trường hợp một TV BKS mất tư cách thành viên theo quy định của pháp luật và Điều lệ, bị cách chức hoặc một lý do nào đó không thể tiếp tục làm thành viên, Ban Kiểm soát có thể đề nghị ĐHĐCĐ bổ nhiệm người khác thay thế.

## **Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện của Thành viên Ban Kiểm soát**

6.1. TV BKS phải có tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14.

b) Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty.

c) Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và người quản lý khác, bao gồm cả mối quan hệ gia đình với người quản lý doanh nghiệp của Công ty mẹ - Tập đoàn Công nghiệp – Viễn thông Quân đội, người đại diện phần vốn của Tập đoàn Công nghiệp – Viễn thông Quân đội tại Tổng Công ty.

d) Không phải là người quản lý công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Tổng Công ty, trừ trường hợp Điều lệ có quy định khác.

đ) Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ.

6.2. TV BKS không được là người trong bộ phận kế toán, tài chính của Tổng Công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của Công ty kiểm toán độc lập được chấp thuận thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính của Tổng Công ty trong 03 năm liền trước đó.

6.3. Trưởng ban Kiểm soát phải làm việc chuyên trách tại công ty, phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, trừ trường hợp Điều lệ có quy định tiêu chuẩn khác cao hơn.

## **Điều 7. Đề cử, ứng cử thành viên Ban Kiểm soát**

7.1 Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu tối thiểu 05% số cổ phần phổ thông có quyền đề cử người vào Ban Kiểm soát theo quy định như sau::

a. Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm đề cử người vào Ban Kiểm soát phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc ĐHĐCĐ;

b. Căn cứ số lượng thành viên Ban Kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của ĐHĐCĐ làm ứng cử viên Ban Kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của ĐHĐCĐ thì số ứng cử viên còn lại do HĐQT, Ban Kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

7.2 Trường hợp số lượng ứng cử viên Ban Kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban Kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ, Quy chế Quản trị nội bộ và Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát. Việc Ban Kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi ĐHĐCĐ biểu quyết bầu thành viên Ban Kiểm soát theo quy định của pháp luật.

### **Điều 8. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát**

8.1. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm TV BKS thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.

8.2. Việc biểu quyết bầu TV BKS phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban Kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử TV BKS được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban Kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ.

8.3 Bầu Trưởng ban Kiểm soát: do Ban Kiểm soát bầu trong số các TV BKS; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số.

8.4. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm TV BKS trong trường hợp sau đây:

- a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm TV BKS theo quy định tại Quy chế này, pháp luật (Điều 169 Luật Doanh nghiệp) và Điều lệ;
- b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;
- c. Trường hợp khác do Điều lệ quy định.

8.5. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm TV BKS trong trường hợp sau đây:

- a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
- b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- c. Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của TV BKS theo quy định của Quy chế này, pháp luật và Điều lệ;

d. Trường hợp khác theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

8.6 Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát:

a. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Ban Kiểm soát, Tổng Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp ĐHĐCĐ trên trang thông tin điện tử của Tổng Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Ban Kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Tổng Công ty nếu được bầu làm TV BKS. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban Kiểm soát được công bố bao gồm:

- Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- Trình độ chuyên môn;
- Quá trình công tác;
- Các chức danh quản lý khác;
- Lợi ích có liên quan tới Tổng Công ty và các bên có liên quan của Tổng Công ty;

e) Tổng Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ các chức danh quản lý và các lợi ích có liên quan tới Tổng Công ty của ứng cử viên Ban Kiểm soát (nếu có).

b. Việc bầu, bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm TV BKS Tổng công ty phải được thông báo theo quy định của Điều lệ, Luật Doanh nghiệp và Luật Chứng khoán.

## **Mục 2**

### **NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA BAN KIỂM SOÁT**

#### **Điều 9. Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm soát**

Quyền hạn và nghĩa vụ của Ban Kiểm soát được quy định tại Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, các văn bản pháp luật có liên quan, Điều lệ và được quy định cụ thể tại Quy chế này như sau:

9.1. Ban Kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành Tổng công ty.

9.2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

9.3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm và 06 (sáu) tháng của Tổng công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp thường niên ĐHĐCĐ. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên

quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc ĐHĐCĐ và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của HĐQT hoặc ĐHĐCĐ.

9.4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của công ty.

9.5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Tổng Công ty, các công việc quản lý, điều hành của Tổng Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết của ĐHĐCĐ hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp.

9.6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp, Ban Kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban Kiểm soát phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến HĐQT và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu.

Việc kiểm tra của Ban Kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của HĐQT, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty.

9.7. Kiến nghị HĐQT hoặc ĐHĐCĐ các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty.

9.8. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc vi phạm quy định tại Điều 165 Luật Doanh nghiệp thì phải thông báo ngay bằng văn bản với HĐQT (trong vòng 48 giờ), yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

9.9. Có quyền tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp ĐHĐCĐ, HĐQT và các cuộc họp khác của Tổng Công ty.

9.10. Có quyền sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Tổng Công ty để thực hiện các nhiệm vụ được giao.

9.11. Ban Kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của HĐQT trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên ĐHĐCĐ.

9.12. Đề xuất và kiến nghị ĐHĐCĐ phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán độc lập được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Tổng Công ty; Quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Tổng Công ty, bãi nhiệm kiểm toán viên được chấp thuận khi thấy cần thiết.

9.13. Kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Tổng Công ty theo đề nghị của cổ đông.

9.14. Yêu cầu HĐQT phải triệu tập họp bất thường ĐHĐCĐ.

9.15. Thay thế HĐQT triệu tập ĐHĐCĐ trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp HĐQT không triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định tại khoản 4 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

9.16. Đề nghị Chủ tịch HĐQT triệu tập họp HĐQT.

9.17. Xem xét, trích lục, sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

9.18. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

9.19. Giám sát tình hình tài chính công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác.

9.20. Đảm bảo phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với HĐQT, Tổng giám đốc và cổ đông. Ban Kiểm soát sẽ báo cáo kết quả giám sát định kỳ và đột xuất cho HĐQT. Đồng thời, báo cáo cổ đông các vấn đề bất thường trong hoạt động của đơn vị.

9.21. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát và trình ĐHĐCĐ thông qua.

9.22. Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát tại ĐHĐCĐ thường niên theo quy định của pháp luật.

9.23. Chứng kiến HĐQT tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu nếu được HĐQT yêu cầu trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của ĐHĐCĐ.

9.24. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Quy chế này, pháp luật, Điều lệ và nghị quyết của ĐHĐCĐ.

### **Điều 10. Quyền được cung cấp thông tin của Ban Kiểm soát**

10.1. TV BKS có các quyền theo quy định của Luật Doanh nghiệp, pháp luật liên quan và Điều lệ, trong đó có quyền tiếp cận thông tin, tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của Tổng Công ty. HĐQT, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty theo yêu cầu của TV BKS.

10.2. Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và các tài liệu kèm theo phải được gửi đến TV BKS cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.

10.3. Các nghị quyết và biên bản họp của ĐHĐCĐ, HĐQT phải được gửi đến cho các TV BKS cùng thời điểm và theo phương thức như đối với cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị.

10.4. Báo cáo của Tổng Giám đốc trình HĐQT hoặc tài liệu khác do Tổng Công ty phát hành được gửi đến các TV BKS cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.

10.5. TV BKS có quyền tiếp cận các hồ sơ, tài liệu của Tổng Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến các địa điểm nơi làm việc của người quản lý và nhân viên của Tổng Công ty trong giờ làm việc.

### **Điều 11. Trách nhiệm chung của các thành viên Ban Kiểm soát**

11.1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ, nghị quyết ĐHĐCĐ và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.

11.2. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Tổng Công ty.

11.3. Trung thành với lợi ích của Tổng Công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

11.4. Nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ.

11.5. Trường hợp vi phạm các trách nhiệm mà gây thiệt hại cho Tổng Công ty hoặc người khác thì TV BKS phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà TV BKS có được do vi phạm phải hoàn trả Tổng Công ty.

11.6. Trường hợp phát hiện có TV BKS vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban Kiểm soát; yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

11.7. Các TV BKS có quyền được hưởng mức lương, thưởng, thù lao và các lợi ích khác, cũng như sử dụng ngân sách hoạt động một cách hợp lý theo đúng quyết định của ĐHĐCĐ.

### **Điều 12. Quyền và trách nhiệm của Trưởng ban Kiểm soát**

12.1. Tổ chức triển khai việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm soát theo Quy chế này, Điều lệ và các quy định pháp luật có liên quan.

12.2. Chủ trì xây dựng, sửa đổi, bổ sung Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát, trình ĐHĐCĐ phê duyệt.

12.3. Thay mặt Ban Kiểm soát ký các văn bản thuộc thẩm quyền của Ban Kiểm soát.

12.4. Lên chương trình, kế hoạch giám sát kiểm tra theo định kỳ hàng tháng/quý/năm và tổ chức giao việc cho các TV BKS thực hiện theo chương trình, kế hoạch đã lập.

12.5. Chịu trách nhiệm đôn đốc các TV BKS triển khai thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Kiểm soát; Phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng TV BKS;

Giám sát, chỉ đạo các TV BKS trong việc thực hiện các công việc được phân công; Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của các TV BKS; Đề xuất danh sách khen thưởng, kỷ luật đối với các thành viên trong Ban Kiểm soát.

12.6. Chuẩn bị chương trình cho các cuộc họp của Ban Kiểm soát trên cơ sở ý kiến đề xuất của các TV BKS liên quan đến nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Kiểm soát; triệu tập và chủ trì các cuộc họp của Ban Kiểm soát.

12.7. Ủy quyền cho TV BKS đảm nhiệm công việc của Trưởng ban trong thời gian vắng mặt, TV BKS được ủy quyền không được ủy quyền lại cho người khác; Tham gia hoặc cử TV BKS tham dự các cuộc họp giao ban tuần, tháng, quý, năm, các cuộc họp tổng kết, sơ kết và các cuộc họp chuyên đề khác (nếu thấy cần thiết) của Tổng Công ty; Tham dự các phiên họp của HĐQT (tham gia ý kiến và đưa ra kiến nghị, nhưng không được biểu quyết).

12.8. Thay mặt Ban Kiểm soát đề nghị HĐQT họp phiên bất thường khi cần thiết để thực hiện nhiệm vụ của Ban Kiểm soát; Thay mặt Ban Kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp quy định tại Điều lệ và các quy định có liên quan của pháp luật.

12.9. Chịu trách nhiệm về những nội dung nêu trong báo cáo định kỳ hoặc đột xuất của Ban Kiểm soát được gửi đến Đại hội đồng cổ đông.

12.10. Yêu cầu HĐQT, Tổng Giám đốc và những người quản lý khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban Kiểm soát.

12.11. Đảm bảo các TV BKS nhận được thông tin đầy đủ, chính xác và có đủ thời gian thảo luận các vấn đề mà Ban Kiểm soát phải xem xét.

12.12. Điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp đối với trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc mà các thành viên Hội đồng quản trị còn lại không bầu được người làm chủ tọa. Trường hợp này, người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp

12.13. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ, Quy chế Quản trị nội bộ và Quy chế này.

### **Điều 13. Quyền và trách nhiệm của Thành viên Ban Kiểm soát khác**

13.1. Tham dự các cuộc họp của Ban Kiểm soát, tham gia góp ý và biểu quyết về các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Kiểm soát.

13.2. Tham dự các cuộc họp của HĐQT, Ban điều hành khi được phân công, tham gia ý kiến và đưa ra kiến nghị, nhưng không được biểu quyết. Trường hợp có ý kiến khác với nghị quyết, quyết định của HĐQT, Ban điều hành thì được quyền đề nghị ghi ý kiến của mình vào Biên bản phiên họp và được trực tiếp báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông.

13.3. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng ban Kiểm soát.

13.4. Chấp hành nghiêm túc việc thực hiện kiểm tra, kiểm soát theo kế hoạch công việc đã được phê duyệt, theo lĩnh vực phụ trách và theo sự phân công, giao việc của Trưởng ban Kiểm soát.

13.5. Chấp hành nghiêm túc chế độ báo cáo tiến độ, kết quả công việc cho Trưởng ban Kiểm soát; thực hiện các thủ tục kiểm tra, kiểm soát bổ sung theo yêu cầu của Trưởng ban Kiểm soát.

13.6. Yêu cầu Trưởng ban Kiểm soát triệu tập họp Ban Kiểm soát bất thường khi xét thấy cần thiết cho việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của Ban Kiểm soát.

13.7. Được quyền yêu cầu cán bộ, nhân viên, các đơn vị của Tổng công ty cung cấp số liệu và giải trình các hoạt động kinh doanh; báo cáo về các hoạt động kiểm soát nội bộ tại đơn vị, kiểm tra tính chính xác của các báo cáo này để thực hiện nhiệm vụ được phân công.

13.8. Kiến nghị Trưởng ban Kiểm soát báo cáo HĐQT, Tổng Giám đốc về tính chính xác, trung thực, hợp pháp của việc ghi chép, lưu trữ chứng từ và lập sổ kế toán, báo cáo tài chính, các báo cáo khác của Tổng Công ty, cũng như tính hiệu lực, hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, hệ thống Quản trị rủi ro của Tổng Công ty. Đảm bảo trong quá trình kiểm tra không gây gián đoạn các hoạt động thường ngày của Tổng Công ty.

13.9. Kiểm tra Báo cáo tài chính hàng quý, sáu tháng và hàng năm của Tổng Công ty và các công ty thị trường.

13.10. Kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Tổng Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết của ĐHĐCĐ hoặc yêu cầu của nhóm cổ đông quý định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp.

13.11. Rà soát hệ thống các văn bản ban hành trong hoạt động kinh doanh, phát hiện các cơ sở bất hợp lý để kiến nghị biện pháp cải tiến, sửa đổi bổ sung.

13.12. Kiến nghị Trưởng Ban kiểm soát báo cáo HĐQT, Tổng Giám đốc về tính chính xác, trung thực, hợp pháp của việc ghi chép, lưu trữ chứng từ và lập sổ kế toán, báo cáo tài chính, các báo cáo khác của Tổng Công ty.

13.13. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ, Quy chế Quản trị nội bộ và Quy chế này.

#### **Điều 14. Trách nhiệm của Ban Kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường ĐHĐCĐ.**

14.1 Ban Kiểm soát có trách nhiệm thay thế HĐQT triệu tập họp ĐHĐCĐ trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp HĐQT không triệu tập ĐHĐCĐ trong các trường hợp sau đây:

a. Số thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật;

b. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp.

c. Khi có yêu cầu triệu tập họp bất thường ĐHĐCĐ của Ban Kiểm soát nhưng HĐQT không thực hiện, trừ trường hợp Điều lệ có quy định khác.

14.2. Trường hợp Ban Kiểm soát không triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định thì Ban Kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho cổ đông.

14.3. Chi phí triệu tập và tiến hành họp ĐHĐCĐ theo quy định tại khoản 14.1 Điều này sẽ được Tổng Công ty hoàn lại.

### **Mục 3**

## **CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC CỦA BAN KIỂM SOÁT**

### **Điều 15. Chế độ làm việc của Ban Kiểm soát**

15.1. Chế độ làm việc: Ban Kiểm soát làm việc theo chế độ tập thể kết hợp với chế độ trách nhiệm cá nhân theo lĩnh vực được phân công của từng thành viên trong Ban Kiểm soát.

15.2. Thực hiện công việc giám sát bằng các hình thức Giám sát trực tiếp, Giám sát gián tiếp đối với các nội dung công việc theo đúng chức năng, nhiệm vụ của Ban Kiểm soát.

15.3. Ban Kiểm soát họp thống nhất kế hoạch công việc thực hiện trong năm, sau đó Trưởng ban Kiểm soát sẽ gửi kế hoạch này tới HĐQT và Người điều hành doanh nghiệp. Nội dung kế hoạch công việc sẽ được chi tiết thực hiện theo từng Quý trong năm giám sát.

15.4. TV BKS được chủ động kiểm tra theo nhiệm vụ đã được Trưởng ban phân công. TV BKS phải chịu trách nhiệm về nhiệm vụ được giao trước Trưởng ban Kiểm soát và trước ĐHĐCĐ.

15.5. Giám sát là một biện pháp kiểm tra chủ yếu được Ban Kiểm soát thực hiện thường xuyên nhằm ngăn ngừa, phát hiện và kịp thời xử lý các vi phạm Điều lệ, Quy chế tổ chức và hoạt động của Tổng Công ty. Có hai hình thức giám sát:

- Giám sát gián tiếp: Thông qua các tài liệu, báo cáo, các dự thảo do Tổng Công ty gửi đến và thông tin thu thập được từ nhiều nguồn khác nhau, Ban Kiểm soát kiểm tra đối chiếu với các quy định của pháp luật, Điều lệ, hệ thống quy chế và các quy định về quản lý tài chính, quản trị, điều hành của Tổng Công ty. Nếu phát hiện có sự sai lệch, vi phạm các quy định nêu trên, Ban Kiểm soát phải có ý kiến đề nghị HĐQT, Tổng Giám đốc Tổng Công ty xem xét và có sự điều chỉnh cho phù hợp.

- Giám sát trực tiếp: Theo sự phân công của Trưởng ban Kiểm soát, các TV BKS được trực tiếp làm việc với các bộ phận nghiệp vụ của Tổng Công ty để giám sát tại chỗ việc chấp hành các qui định của pháp luật, Điều lệ, hệ thống các quy chế và quy định về quản lý tài chính, quản trị, điều hành của Tổng Công ty; sau đó báo

cáo Trưởng ban Kiểm soát đề Trưởng ban Kiểm soát kiến nghị HĐQT những vấn đề cần sửa đổi, bổ sung hoặc thông báo cho Tổng Giám đốc Tổng công ty xem xét điều chỉnh hoạt động cho phù hợp và có hiệu quả.

15.6. Kiểm tra định kỳ và đột xuất:

- Kiểm tra định kỳ: Căn cứ kế hoạch công tác đã thông báo HĐQT, Ban điều hành, Ban Kiểm soát thực hiện các nội dung công việc kiểm soát theo kế hoạch đề ra.

- Kiểm tra đột xuất: Đối với những việc cần kiểm tra đột xuất để phát hiện sớm sai sót giúp Tổng công ty khắc phục kịp thời, Trưởng ban Kiểm soát quyết định thời điểm và nội dung kiểm tra, sau khi tham khảo ý kiến của HĐQT và thông báo cho Tổng Giám đốc.

15.7. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, Trưởng ban Kiểm soát có trách nhiệm thông tin đầy đủ, kịp thời và thường xuyên trao đổi ý kiến với Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc về các vấn đề có liên quan đến công tác giám sát, kiểm tra.

15.8. Trường hợp đối tượng kiểm tra chưa nhất trí với nội dung kết luận của Ban Kiểm soát thì được ghi rõ ý kiến của mình trong biên bản kiểm tra để Trưởng ban Kiểm soát thông báo cho HĐQT và Tổng Giám đốc Tổng Công ty.

15.9. Các nội dung kiến nghị của Ban Kiểm soát trước khi trình ĐHĐCĐ phải được đưa ra lấy ý kiến tập thể trong Ban Kiểm soát và kết luận theo đa số. Mỗi TV BKS có quyền bảo lưu ý kiến của mình trong báo cáo của Ban Kiểm soát.

## **Điều 16. Cuộc họp của Ban Kiểm soát**

16.1. Cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Ban Kiểm soát để bầu Trưởng ban Kiểm soát và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tổ chức trong thời hạn (01) một ngày làm việc, kể từ ngày bầu ra Ban Kiểm soát nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên Ban Kiểm soát bầu một người trong số họ theo nguyên tắc đa số để triệu tập họp Ban Kiểm soát.

16.2. Ban Kiểm soát phải họp ít nhất 02 (hai) lần trong một năm. Biên bản họp Ban Kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Thư ký và các TV BKS tham dự họp phải ký tên vào các biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban Kiểm soát phải lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng TV BKS.

16.3. Cuộc họp bất thường của Ban Kiểm soát tiến hành theo đề nghị của một trong các đối tượng sau đây:

- Trưởng ban Kiểm soát;
- Ít nhất 2/3 (hai phần ba) TV BKS;
- Chủ tịch Hội đồng quản trị;
- Ít nhất 2/3 (hai phần ba) thành viên Hội đồng quản trị;

- Tổng Giám đốc;

16.4. Trưởng ban Kiểm soát triệu tập và chủ trì các cuộc họp của Ban Kiểm soát. Trường hợp vắng mặt, Trưởng ban Kiểm soát ủy quyền cho một TV BKS thay mặt chủ trì, giải quyết các công việc của Ban Kiểm soát.

16.5. Trong các cuộc họp của Ban Kiểm soát, Ban Kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, các người quản lý khác, bộ phận Kiểm toán nội bộ của Tổng Công ty, các bộ phận chức năng khác của Tổng Công ty và kiểm toán viên độc lập tham dự, trả lời các vấn đề mà các TV BKS quan tâm.

16.6. Địa điểm họp: Các cuộc họp thông thường của Ban Kiểm soát sẽ được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của Tổng Công ty. Trong một số trường hợp đặc thù, Ban Kiểm soát có thể tiến hành cuộc họp thông qua các hình thức điện tử trực tuyến, họp online. Trình tự, thủ tục thực hiện cuộc họp, ghi chép biên bản cuộc họp sẽ được tiến hành như các cuộc họp thông thường của Ban Kiểm soát.

### **Điều 17. Trình tự tổ chức và tiến hành họp Ban Kiểm soát**

17.1. Tất cả các cuộc họp định kỳ hoặc bất thường đều phải có nội dung chuẩn bị trước. Trưởng ban Kiểm soát căn cứ mục đích của cuộc họp để phân công cho các TV BKS chuẩn bị nội dung tài liệu cuộc họp.

17.2. Thông báo mời họp Ban Kiểm soát (trừ trường hợp họp bất thường) phải được gửi cho các thành viên Ban Kiểm soát tối thiểu 03 (ba) ngày làm việc trước họp. Thông báo về cuộc họp Ban Kiểm soát được làm bằng văn bản hoặc bằng các hình thức điện tử như email, tin nhắn, gọi điện trực tiếp, trong đó nêu rõ: chương trình họp, thời gian họp, địa điểm họp và phải được kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp và cả các phiếu biểu quyết cho những TV BKS không thể dự họp. Những TV BKS này sẽ gửi phiếu cho Trưởng ban Kiểm soát và Thư ký cuộc họp trước khi họp.

17.3. Cuộc họp Ban Kiểm soát được tiến hành khi có từ 2/3 (hai phần ba) số TV BKS trở lên trực tiếp tham dự.

17.4. Trường hợp triệu tập họp bất thường: Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị họp Ban Kiểm soát bất thường của các đối tượng theo quy định tại Quy chế này, Trưởng ban Kiểm soát phải triệu tập và tiến hành cuộc họp Ban Kiểm soát bất thường. Trường hợp Trưởng Ban kiểm soát hoặc người được Trưởng Ban kiểm soát ủy quyền không triệu tập cuộc họp Ban Kiểm soát theo đề nghị thì phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Tổng công ty. Người đề nghị họp có quyền triệu tập Ban kiểm soát.

### **Điều 18. Thông qua quyết định của Ban Kiểm soát**

18.1. Mỗi TV BKS tham dự cuộc họp Ban Kiểm soát sẽ có một phiếu biểu quyết tại cuộc họp. Nếu TV BKS không thể tham dự cuộc họp thì có thể biểu quyết bằng phiếu biểu quyết (phiếu biểu quyết phải được gửi tới Trưởng ban Kiểm soát và

Thư ký cuộc họp trước khi họp), hoặc uỷ quyền biểu quyết của mình bằng văn bản cho một TV BKS khác (là đối tượng được phép tham gia biểu quyết) thực hiện biểu quyết này.

18.2. TV BKS có quyền lợi liên quan đến vấn đề được đưa ra trong cuộc họp Ban Kiểm soát quyết định sẽ không được phép tham gia biểu quyết đối với vấn đề đó, đồng thời cũng không được nhận uỷ quyền của TV BKS khác để tham gia biểu quyết vấn đề đó.

18.3. Biểu quyết đa số: Quyết định của Ban Kiểm soát được thông qua nếu được trên 50% số TV BKS có quyền tham gia biểu quyết dự họp chấp thuận. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Trưởng ban Kiểm soát hoặc TV BKS được Trưởng ban Kiểm soát uỷ quyền chủ tọa cuộc họp trong trường hợp Trưởng ban Kiểm soát vắng mặt.

18.4. Trường hợp Ban Kiểm soát lấy ý kiến bằng văn bản để thông qua quyết định về một vấn đề thì quyết định được coi là có giá trị tương đương với một quyết định được thông qua bởi các TV BKS tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức thông thường, nếu được sự nhất trí bằng văn bản của đa số các thành viên Ban Kiểm soát có quyền tham gia biểu quyết đối với vấn đề đưa ra xin ý kiến.

### **Điều 19. Biên bản họp Ban Kiểm soát**

19.1 Nội dung mỗi cuộc họp của Ban Kiểm soát phải được lập thành văn bản, ghi rõ ràng các vấn đề của cuộc họp. Văn bản này sẽ được lưu trữ theo trình tự thời gian tại trụ sở Tổng Công ty. Biên bản này là cơ sở cho các quyết định của Ban Kiểm soát. Biên bản cuộc họp phải có các nội dung chủ yếu sau:

- Thời gian và địa điểm tổ chức phiên họp;
- Họ tên từng TV BKS dự họp hoặc người được uỷ quyền dự họp (nêu rõ số, ngày của giấy uỷ quyền); Họ tên các TV BKS không dự họp và lý do;
- Chương trình và nội dung cuộc họp;
- Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- Tóm tắt ý kiến phát biểu tại cuộc họp;
- Kết luận của chủ tọa cuộc họp;
- Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những TV BKS tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- Các ý kiến bảo lưu;
- Các quyết định đã được thông qua;
- Họ tên, chữ ký của tất cả TV BKS hoặc người được uỷ quyền dự họp.

19.2. Biên bản cuộc họp phải được lập chi tiết, rõ ràng, đọc lại trước tất cả các TV BKS tham dự phiên họp và được tất cả TV BKS tham dự ký. Chủ tọa và Thư ký phải trung thực và chịu trách nhiệm về tính chính xác của Biên bản cuộc họp Ban Kiểm soát. Các biên bản họp sẽ được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng TV BKS.

19.3. Tất cả các TV BKS sẽ nhận được một biên bản cuộc họp có đầy đủ các chữ ký của các TV BKS tham dự họp, mọi trường hợp có khiếu nại liên quan đến vấn đề tổ chức họp và nội dung của Biên bản họp đó được đưa ra trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày TV BKS nhận được biên bản cuộc họp.

### **Điều 20. Báo cáo hoạt động thường niên của Ban Kiểm soát**

Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông thường niên tối thiểu phải bao gồm các nội dung sau:

- Hoạt động, thù lao và chi phí hoạt động của Ban Kiểm soát và từng TV BKS;
- Tổng kết các cuộc họp của Ban Kiểm soát và các kết luận, kiến nghị, quyết định của Ban Kiểm soát;
- Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Tổng Công ty;
- Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Tổng Công ty, công ty con, các công ty mà Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người điều hành khác của doanh nghiệp và những người có liên quan của đối tượng đó; giao dịch giữa Tổng Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người điều hành khác của doanh nghiệp là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.
- Kết quả giám sát đối với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp;
- Báo cáo đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát với HĐQT, Tổng Giám đốc và các cổ đông;
- Đề xuất và kiến nghị ĐHĐCĐ phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán BCTC của Tổng Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Tổng Công ty khi thấy cần thiết;
- Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát và TV BKS.

### **Điều 21. Các mối quan hệ của Ban Kiểm soát**

21.1. Quan hệ với cơ quan quản lý Nhà nước:

- Ban Kiểm soát tổ chức và thực hiện báo cáo các nội dung liên quan đến công việc kiểm tra, kiểm soát theo quy định hiện hành.

21.2. Quan hệ với cổ đông

- Ban Kiểm soát báo cáo cổ đông tại kỳ họp ĐHĐCĐ thường niên theo quy định của pháp luật và Điều lệ.

- Ban Kiểm soát thực hiện kiểm tra đột xuất khi nhận được yêu cầu từ cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 điều 115 Luật Doanh nghiệp và có báo cáo gửi cổ đông phù hợp với quy định tại Điều lệ.

### 21.3. Quan hệ với Hội đồng quản trị

- Trong các phiên họp HĐQT, Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các TV BKS như đối với các thành viên Hội đồng quản trị (nếu HĐQT thông báo mời Ban Kiểm soát tham dự họp). Thư ký của HĐQT phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao chụp các thông tin tài chính, các thông tin khác cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị và bản sao các biên bản họp HĐQT phải được cung cấp cho TV BKS vào cùng thời điểm chúng được cung cấp cho HĐQT.

- Ban Kiểm soát với tư cách là một bộ phận trong cơ cấu tổ chức quản lý của Tổng công ty, là cơ quan giám sát hoạt động của HĐQT, làm việc với HĐQT theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập trong quá trình thực thi nhiệm vụ của mình, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.

- Các Nghị quyết của HĐQT được gửi đến Ban Kiểm soát.

- HĐQT có trách nhiệm cung cấp tất cả thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Tổng Công ty cho Ban Kiểm soát.

- Ban Kiểm soát có trách nhiệm thông báo kịp thời những kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát và những kiến nghị cần thiết đến HĐQT theo quy định. HĐQT xem xét và đưa ra kết luận và quyết định xử lý. Ban Kiểm soát theo dõi việc thực hiện của Tổng Công ty đối với các nội dung đã được kết luận và quyết định xử lý của HĐQT.

- HĐQT được quyền đề nghị Ban Kiểm soát thực hiện kiểm tra hoặc tham gia cùng với đoàn kiểm tra, kiểm soát của HĐQT.

- Các báo cáo tình hình kinh doanh hàng năm của Tổng Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT chuẩn bị trình lên ĐHĐCĐ tại cuộc họp thường niên phải được gửi cho Ban Kiểm soát trước ngày tổ chức đại hội ít nhất 30 (ba mươi) ngày làm việc để thẩm định.

- Ban Kiểm soát thông báo cho HĐQT và tham khảo ý kiến của HĐQT về các vấn đề được nêu trong báo cáo của Ban Kiểm soát trước khi gửi lên ĐHĐCĐ chậm nhất là 15 (mười lăm) ngày làm việc trước ngày khai mạc đại hội.

### 21.4. Quan hệ với Ban điều hành Tổng Công ty

- Ban Kiểm soát là cơ quan thực hiện chức năng giám sát các hoạt động của Ban điều hành. Ban Kiểm soát và các TV BKS trong quá trình làm việc với Tổng Giám đốc và các thành viên của Ban điều hành phải giữ vững tính độc lập, khách quan,

đồng thời phải hợp tác chặt chẽ, không gây cản trở lẫn nhau trong khi thực thi nhiệm vụ và quyền hạn của mình.

- Tổng Giám đốc báo cáo Ban Kiểm soát về việc thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT, báo cáo thực hiện các nhiệm vụ kinh doanh và điều hành Tổng Công ty và các báo cáo khác theo yêu cầu cụ thể của Ban Kiểm soát.

- Căn cứ vào kết quả thực hiện công việc giám sát và những thông tin đáng tin cậy của Ban Kiểm soát, Ban Kiểm soát có quyền đề nghị HĐQT xem xét lại các quyết định của Tổng Giám đốc và Ban điều hành Tổng Công ty.

- Tổng Giám đốc gửi thông báo mời Ban Kiểm soát tham dự các cuộc họp, hội nghị chuyên đề, các buổi giao ban tại trụ sở chính, giao ban thường kỳ, hội nghị sơ kết, tổng kết của Tổng Công ty và các đơn vị trực thuộc.

- Ban Kiểm soát kiến nghị hoặc đánh giá hoạt động của Tổng Giám đốc và các thành viên của Ban điều hành Tổng Công ty 06 (sáu) tháng một lần.

- Tổng Giám đốc chỉ đạo các đơn vị cung cấp đầy đủ thông tin, tài liệu và những phương tiện phục vụ công tác kiểm tra, kiểm soát theo yêu cầu của Ban Kiểm soát.

- Tổng Giám đốc có trách nhiệm thực hiện những kiến nghị của Ban Kiểm soát hoặc báo cáo với HĐQT những điểm không thống nhất với các kiến nghị và thực hiện theo ý kiến chỉ đạo của HĐQT đồng thời thông báo cho Ban Kiểm soát những ý kiến chỉ đạo này.

- Thông báo ngay cho Ban Kiểm soát khi phát hiện những yếu kém, tồn tại, các sai phạm, rủi ro, thất thoát lớn về tài sản hoặc khi có những thay đổi trong hệ thống kiểm tra, kiểm soát nội bộ, hoặc các thông tin, các quyết định, kế hoạch sản xuất kinh doanh tác động ngay, nhạy cảm đến tâm lý các cổ đông.

#### 21.5. Quan hệ với các đơn vị, bộ phận điều hành

- Các đơn vị trực thuộc của Tổng Công ty phải cung cấp đầy đủ thông tin, tài liệu phục vụ công tác kiểm tra, kiểm soát theo yêu cầu của Ban Kiểm soát.

- Trưởng các đơn vị được kiểm tra, kiểm soát phải chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước HĐQT về tính đầy đủ, trung thực, hợp lý của các thông tin, tài liệu cung cấp cho Ban Kiểm soát, đoàn kiểm tra, kiểm toán.

#### 21.6 Quan hệ giữa các thành viên Ban Kiểm soát:

- Các thành viên Ban Kiểm soát có mối quan hệ độc lập, không phụ thuộc lẫn nhau nhưng có sự phối hợp, cộng tác trong công việc chung để đảm bảo thực hiện tốt trách nhiệm, quyền và nhiệm vụ của Ban Kiểm soát theo quy định pháp luật và Điều lệ. Trưởng Ban Kiểm soát là người điều phối công việc chung của Ban kiểm soát nhưng không có quyền chi phối các thành viên Ban Kiểm soát.

### **Điều 22. Chi phí hoạt động và thù lao của Ban Kiểm soát**

22.1. Trong trường hợp Điều lệ không có quy định khác thì mức lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hàng năm của Ban Kiểm soát được ĐHĐCĐ thông qua bằng nghị quyết.

22.2. Chi phí hoạt động của Ban Kiểm soát bao gồm chi phí tổ chức các phiên họp Ban Kiểm soát, chi phí sử dụng tư vấn độc lập, chi phí văn phòng phẩm, trang thiết bị công cụ dụng cụ, công tác phí ngoại tỉnh, chi phí tiếp khách, chi phí đi công tác nước ngoài (nếu có), chi phí đào tạo, cập nhật kiến thức nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ và các chi phí khác theo quy định tài chính của Tổng Công ty.

22.3. Tổng mức lương/thù lao/thưởng/lợi ích khác và chi phí hoạt động không vượt quá tổng giá trị ngân sách hoạt động của Ban Kiểm soát đã được ĐHĐCĐ chấp thuận, trừ trường hợp ĐHĐCĐ có quyết định khác.

22.4. Tiền lương/thưởng/thù lao/các lợi ích khác và ngân sách hoạt động hàng năm của Ban Kiểm soát sẽ được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trên báo cáo tài chính hàng năm của Tổng Công ty.

### **Điều 23. Khen thưởng, kỷ luật**

23.1. Trưởng ban Kiểm soát, các TV BKS trong Ban Kiểm soát có thành tích trong công tác kiểm tra, kiểm soát và các hoạt động có liên quan được khen thưởng vật chất, tinh thần theo quy chế khen thưởng chung của Tổng Công ty.

23.2. Trưởng ban Kiểm soát, các TV BKS trong Ban Kiểm soát vi phạm các quy định của pháp luật hiện hành trong kiểm tra, kiểm soát và các hoạt động có liên quan hoặc lợi dụng chức vụ, quyền hạn vụ lợi, có động cơ cá nhân xâm phạm lợi ích hợp pháp của Tổng công ty thì tùy theo mức độ sai phạm sẽ bị xử lý theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, bị xử lý hành chính hay truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

### **Điều 24. Công khai các lợi ích liên quan**

24.1. TV BKS phải kê khai cho Tổng Công ty các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó.

b. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

24.2. Việc kê khai theo quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ

sung phải được thông báo với Tổng Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

24.3. TV BKS và những người có liên quan của các TV BKS chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Tổng Công ty.

24.4. TV BKS có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho HĐQT, Ban Kiểm soát về các giao dịch giữa Tổng Công ty, công ty con, công ty khác do Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với TV BKS hoặc với những người có liên quan của TV BKS theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do ĐHCĐ hoặc HĐQT chấp thuận, Tổng Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

24.5. TV BKS và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

### **CHƯƠNG III**

#### **BỔ SUNG SỬA ĐỔI VÀ HIỆU LỰC THI HÀNH**

##### **Điều 25. Bổ sung và sửa đổi quy chế**

25.1. Việc sửa đổi bổ sung quy chế này do Trưởng ban Kiểm soát chủ trì tổng hợp nội dung và trình ĐHCĐ quyết định.

25.2. Trong trường hợp có những quy định của Pháp luật, của Điều lệ và các văn bản pháp lý liên quan đến hoạt động của Ban Kiểm soát chưa được đề cập trong bản Quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của Pháp luật, của Điều lệ và các văn bản pháp lý liên quan khác với những điều khoản trong Quy chế này thì những quy định đó được Ban Kiểm soát áp dụng và điều chỉnh.

##### **Điều 26. Ngày hiệu lực**

26.1. Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát có hiệu lực thi hành kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng Nghị quyết.

26.2. Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban điều hành, các phòng, ban, đơn vị trực thuộc liên quan có trách nhiệm thi hành quyết định này.

**T/M BAN KIỂM SOÁT  
TRƯỞNG BAN**